TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HS-ST
Ngày: 04-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Long Giang.

Ông Huỳnh Thanh Hưng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quế Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D, sinh năm 1998 tại Đắk Nông; nơi đăng ký thường trú: thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Lộc Thị T1, sinh năm 2002 và 01 con; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt phạm tội quả tang và tạm giữ ngày 17 tháng 11 năm 2024, đến ngày 26 tháng 11 năm 2024 tạm giam, có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1982; hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: khu phố C, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Nguyễn Văn D và bà Lộc Thị T1 là vợ chồng nhưng đang sống ly thân.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 17 tháng 11 năm 2024, D mang theo 02 vật hình dáng giống lựu đạn để trong túi đeo chéo màu nâu đi đến dãy trọ F, đường D, khu phố C, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương tìm gặp ông Nguyễn Văn S, là cha dượng của bà T1, để yêu cầu ông S cung cấp thông tin nơi ở của bà T1. Lúc này, ông S đang tắm và chốt cửa phòng trọ nên D đứng bên ngoài gõ cửa liên tục yêu cầu ông S mở cửa nhưng ông S không mở cửa. D đi đến gặp ông Văn Duy Đ là người buôn bán phía trước dãy trọ và nói "Chú ơi vào kêu chú S mở cửa cho con với chứ con kêu chú S không mở và con có cầm theo 02 quả lựu đạn đây con sợ ảnh hưởng đến toàn bộ dãy trọ", đồng thời D mở khóa túi đeo chéo và đưa ra cho ông Đ thấy 02 quả lựu đạn. Sau đó, ông Đ đi cùng D vào gặp ông S thì ông S mở cửa phòng ra. D thấy ông S cầm 01 thanh sắt nên D lấy trong túi ra 01 vật có hình dáng giống quả lựu đạn tiếp tục có lời nói hù dọa, ông S lo sợ nên đóng cửa phòng lại. D ở bên ngoài nhiều lần có những câu nói đe dọa "Tôi tôn trọng chú mà chú không ra nói chuyện thì đừng trách tôi, tôi sẽ cho nổ tung phòng trọ ông và tôi cùng chết". Lúc này, ông S báo cho bà Nguyễn Thị Tuyết Q là quản lý dãy nhà trọ F118-47 là có người muốn giết mình. Bà Q đi đến dãy trọ khuyên D bình tĩnh và yêu cầu ông S mở cửa ra nói chuyện thì D tiếp tục nói "ông S ơi lần này cuối ông có ra không nếu không ra đừng trách tôi". Bà Q tiếp tục khuyên can D và nói ông S mở cửa nói chuyện với D. Khi ông S mở cửa và đi ra nói chuyện với D nhưng ông S nói không biết nơi ở của vợ D thì D tiếp tục nói để đe dọa ông S "ông có tin tôi và ông cùng chết không lựu đạn đây này". Lúc này, ông Đ và bà Q tiếp tục khuyên can D. Ông S sợ D giết bằng lựu đạn nên bỏ đi ra khỏi dãy trọ. Sau đó, bà Q đã trình báo công an; Công an thị trấn L, huyện B đã bắt phạm tội quả tang D.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo D thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố; bị hại ông S vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, truy tố, không ai có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Đe dọa giết người.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Công an thị trấn L, huyện B đã thu giữ của bị cáo: 02 đồ vật có hình dáng giống lựu đạn có ký hiệu 2-07-29 NGÒI LĐHL-K2006, bằng nhựa cứng màu xanh lục, có kích thước chiều cao khoảng 88mm, đường kính khoảng 57mm; 01 túi đeo chéo màu nâu (bút lục số 01 đến 03).

Tại Kết luận giám định số 583/KL-KTHS ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - V kết luận: mẫu vật gửi giám định là lựu đạn tập, vỏ bằng nhựa, thường dùng trong huấn luyện quân sự, không có thuốc nổ và không thuộc nhóm vũ khí quân dụng (bút lục số 41).

Đối với 02 vật có hình dáng giống lựu đạn vỏ nhựa có ký hiệu: 2-07-29 NGÒILĐHL-K2006, kích thước chiều cao khoảng 88mm, đường kính khoảng

57mm, màu xanh lục và 01 túi đeo chéo màu nâu là công cụ, phương tiện phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Bị hại S không yêu cầu bị cáo D bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D (bút lục số 64).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên và bị cáo không có ý kiến gì về các vấn đề nêu trên. Bị hại Sâm vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, truy tố, không ai có ý kiến gì về các vấn đề nêu trên.

Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 22/CT-VKSBB ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội "Đe dọa giết người" theo khoản 1 Điều 133 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về mức hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo D từ 07 tháng đến 09 tháng tù.

Về bồi thường thiệt hại: bị hại S không yêu cầu gì.

Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu tiêu hủy 02 đồ vật có hình dáng giống lựu đạn vỏ nhựa có ký hiệu: 2-07-29 NGÒI LĐHL-K2006, kích thước chiều cao khoảng 88mm, đường kính khoảng 57mm, màu xanh lục và 01 túi đeo chéo màu nâu của bị cáo là công cụ, phương tiện phạm tội.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: trong thời gian bị cáo bị tạm giam đến nay, bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật; mong Hội đồng xét xử xử nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm trở về lo cho con và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

[1.1] Bị hại ông S vắng mặt tại phiên tòa nhưng không trở ngại cho việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[1.2] Các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án đã được Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình tố tụng, bị cáo và bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng này là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo D khai nhận: khoảng 16 giờ 30 phút ngày 17 tháng 11 năm 2024, tại dãy trọ F, đường D, khu phố C, thị trấn

L, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã có hành vi dùng 02 vật có hình dáng giống lựu đạn vỏ nhựa màu xanh lục để đe đọa giết bị hại S, làm cho bị hại Sâm lo sợ việc bị cáo đe dọa sẽ được thực hiện.

Xét lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của bị hại, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm tội Đe dọa giết người. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 133 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp gây ra tâm lý bất an, lo sợ cho bị hại S, mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo sợ cho quần chúng nhân dân. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn cần thiết.

[4] Vì muốn hỏi bị hại Sâm địa chỉ nơi cư trú của vợ bị cáo mà bị cáo lại có hành vi dùng 02 vật có hình dáng giống lựu đạn vỏ nhựa màu xanh lục để đe dọa giết bị hại S *(tôi cho nổ tung phòng trọ ông và tôi cùng chết; ông có tin tôi và ông cùng chết không lựu đạn đây này)*, làm cho bị hại Sâm lo sợ việc bị cáo đe dọa sẽ được thực hiện. Xét về yếu tố lỗi, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị nghiêm trị để giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội cũng như nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt tù đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử quyết định cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại; vấn đề dân sự trong vụ án:

Bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 02 vật có hình dáng giống lựu đạn vỏ nhựa có ký hiệu: 2-07-29 NGÒILĐHL-K2006, kích thước chiều cao 88mm, đường kính khoảng 57mm, màu xanh lục và 01 túi đeo chéo màu nâu của bị cáo là công cụ, phương tiện phạm tội.

[9] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 133 và điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "Đe dọa giết người".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 11 năm 2024.

[2] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 02 (hai) vật có hình dáng giống lựu đạn vỏ nhựa có ký hiệu: 2-07-29 NGÒILĐHL-K2006, kích thước chiều cao 88mm, đường kính khoảng 57mm, màu xanh lục và 01 túi đeo chéo màu nâu (đã qua sử dụng) của bị cáo Nguyễn Văn D.

(Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương).

[3] Về án phí:

Căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Phân trại tạm giam khu vực huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

Huỳnh Kim Xuyến